

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Trang

2/ Bà Nguyễn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T.V.S, sinh năm 1965; địa chỉ: số 8, ấp T.P, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà P.T.T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 21, ấp T.T, xã T.H, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T.V.S trình bày: Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 1995, không đăng ký kết hôn. Sau thời gian vợ chồng sống chung khi sinh đôi 02 người con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cãi nhau sau đó bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống không về nữa, không liên lạc gì đến chồng con, do ông nuôi 02 con nay các con ông đã trưởng thành, nên tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Văn Bình, sinh ngày 11/8/1997, Trần Văn An, sinh ngày 11/8/1997; các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu, không nợ chung.

Đối với bà P.T.Tlà bị đơn, có ý kiến đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Tuyên bố không công nhận ông S và bà T là vợ chồng; Con chung có 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có, nên không đặt ra giải quyết; tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông T.V.S là nguyên đơn, bà P.T.Tlà bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông S và bà T.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông T.V.S và bà P.T.Tchung sống với nhau vào năm 1995, không đăng ký kết hôn. Quá trình ông S và bà T sống chung, theo ông S khai sau khi sinh đôi 02 người con được trên 01 năm thì bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không liên lạc đến chồng con nữa, do ông nuôi 02 con nay các con đã trưởng thành nên ông yêu cầu được ly hôn. Đối với bà P.T.Tchỉ nêu ý kiến yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có ý kiến khác. Do đó, ông S và bà T sống chung không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không công nhận ông S và bà T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Theo ông S khai, vợ chồng sống chung có 02 con chung tên Trần Văn Bình, sinh ngày 11/8/1997; Trần Văn An, sinh ngày 11/8/1997; Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Ông S khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Ông S phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa ông T.V.S và bà P.T.Trà quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn Bình, sinh ngày 11/8/1997; Trần Văn An, sinh ngày 11/8/1997, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Ông S khai không có, không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010806 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, ông S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thịnh

